

Số: 22/KH-UBND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới, các dự án tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội và cơ chế chính sách huy động các nguồn lực nhằm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

1. Tổng quan

- Trong những năm qua, Trà Vinh đã có nhiều chính sách nhằm phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới. Từ đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, có bước phát triển, góp phần đảm bảo tăng trưởng kinh tế; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện, nâng cao, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường và củng cố.

- Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu đặt ra. Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động còn chậm, tốc độ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển; chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Một số chính sách xã hội được triển khai thực hiện ở nông thôn còn chậm. Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm nhanh nhưng chưa bền vững, an ninh nông thôn nhiều nơi còn diễn biến phức tạp, đời sống của một bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn. Nhiều công trình chậm tiến độ, chi phí cao, công tác quản lý, khai thác, sử dụng dịch vụ hạ tầng còn yếu, hiệu quả thấp.

2. Kết quả phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2018

- Rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội với tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà nước với nhiều hình thức cho phát triển kết cấu hạ tầng nhất là các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng đã hoàn thành, đưa vào khai thác đã phát huy hiệu quả. Hạ tầng giao thông được kết nối đồng bộ từ tỉnh đến trung tâm các xã, mạng lưới đường giao thông nông thôn trong tỉnh rộng khắp địa bàn đến tận vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện lưu thông thông suốt phục vụ phát triển kinh tế -

xã hội của tỉnh và nhu cầu đi lại của Nhân dân. Hạ tầng thủy lợi đảm bảo nhiệm vụ kiểm soát ngăn mặn, giữ ngọt, tháo chua, rửa phèn, phòng chống bão lũ, triều cường, bảo vệ sản xuất, dân sinh trong vùng dự án Nam Măng Thít. Hệ thống cấp nước đã huy động từ nhiều nguồn vốn để đầu tư mới trạm cấp nước phục vụ đời sống Nhân dân. Hệ thống điện như các công trình nhiệt điện đã và đang triển khai, ước đến năm 2015 có 98,4% hộ dân sử dụng điện. Hạ tầng y tế, giáo dục được đầu tư ngày một khảng trang đáp ứng được tiêu chuẩn nhằm phục vụ tốt cho việc khám, điều trị, chữa bệnh Nhân dân và việc dạy và học của các trường, các trung tâm. Hạ tầng thương mại, thông tin và truyền thông tiếp tục được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Toàn tỉnh có 01 Khu kinh tế Định An và 03 khu công nghiệp gồm Khu công nghiệp Long Đức, Khu công nghiệp Cầu Quan và Khu công nghiệp Cổ Chiên (trong đó: Khu Công nghiệp Long Đức đã hoàn thành hạ tầng đường, điện, hệ thống cấp thoát nước... và thu hút được nhiều nhà đầu tư đến sản xuất kinh doanh, đã lấp đầy trên 70%; Khu kinh tế Định An thu hút được 11 dự án, có 06 dự án đang triển khai). Các dự án trọng điểm do Trung ương đầu tư tiếp tục đẩy nhanh tiến độ như dự án nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 1, Duyên Hải 3, cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Duyên Hải và Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải, Quốc lộ 54, Cầu Cổ Chiên và đang triển khai đầu tư: Cầu Đại Ngãi, khi hoàn thành phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng nông thôn mới: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được sự đồng tình và tham gia tích cực của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, sự quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành. Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh tế tập thể góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; xây dựng hệ thống chính trị; bảo đảm an ninh - quốc phòng; cảnh quan môi trường, bộ mặt nông thôn có những chuyển biến tích cực. Toàn tỉnh có 85 xã được phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2011 – 2015: có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 05 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, 54 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 06 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí; đến năm 2016-2018: có 39 xã đạt chuẩn nông thôn mới (30 xã có Quyết định công nhận và 09 xã còn lại đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận), 10 xã đạt từ 14 tiêu chí trở lên, 07 xã dưới 10 tiêu chí. Thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới (chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ).

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020.

- Thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Phát triển nhanh và đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới của tỉnh Trà Vinh.

2. Yêu cầu

- Đẩy mạnh khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh hoạt động kêu gọi thu hút, khuyến khích đầu tư tập trung vào các dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên đầu tư, các dự án tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường vận động, thu hút nguồn lực và đóng góp của cộng đồng, huy động mạnh mẽ doanh nghiệp tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Huy động nguồn lực đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng nông thôn mới, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục phát huy vai trò của các ngành, các cấp để thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút và huy động mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, dự án liên vùng và khu vực.

- Tăng cường hơn nữa nguồn vốn đầu tư cho nông thôn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu đến năm 2020, phát triển tương đối đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh trên các lĩnh vực: hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị.

- Phân đầu đến năm 2020, đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, Khu kinh tế (Khu công nghiệp Cầu Quan, Khu công nghiệp Cổ Chiên, khu đô thị dịch vụ công nghiệp trong Khu kinh tế Định An) và 01 Cụm công nghiệp.

- Đến năm 2020 có 51% số xã trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, phân đầu có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, xây dựng huyện Tiểu Cần đạt huyện nông thôn mới kiểu mẫu, các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; bình quân toàn tỉnh đạt 16,6 tiêu chí/xã, không còn xã dưới 14 tiêu chí.

- Đa dạng hóa nguồn lực tài chính, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn,

các dự án tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, làm động lực để nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng, doanh nghiệp và nguồn lực xã hội khác đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- Tăng cường khai thác hợp lý các nguồn thu cho ngân sách, thu vượt ngân sách, thu vượt xô số kiến thiết, thu vượt tiền sử dụng đất, đáp ứng nhiệm vụ chi cho đầu tư phát triển.

- Đa dạng hóa nguồn lực tài chính đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là nông thôn mới của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

- Tiếp tục kiến nghị Trung ương hỗ trợ vốn đầu tư từ các nguồn vốn ODA, trái phiếu Chính phủ, Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, tín dụng ưu đãi đầu tư. Rà soát quy hoạch bổ sung thêm các danh mục đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để mời gọi đầu tư; rà soát lại quỹ nhà công, đất công, cơ quan không sử dụng (trụ sở, trường học,...) để xin chủ trương bán đấu giá nhằm tăng thêm nguồn vốn.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và nhân dân nâng cao nhận thức, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và nội lực của doanh nghiệp, người dân đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới

- Vận dụng thực hiện các cơ chế, chính sách, tạo môi trường thông thoáng, ưu đãi đặc biệt để các doanh nghiệp tự bổ sung vốn, thu hút vốn đầu tư trong dân cư. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, về cơ chế chính sách, để thu hút nhiều nhà đầu tư vào phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Xây dựng nông thôn mới bằng tổng hợp nhiều nguồn lực lồng ghép (ngân sách nhà nước, vốn tín dụng, vốn vận động doanh nghiệp, vốn dân đóng góp) đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao thu nhập cho nông dân. Khuyến khích đầu tư xây dựng nông thôn mới bằng vốn ngân sách nhà nước 70%, dân đóng góp 30% (góp ngày công lao động, hiến mặt bằng, phát quang, tham gia giám sát,...).

3. Hoàn thiện môi trường đầu tư để tăng cường thu hút đầu tư

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 14 Quy định một số chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 22/3/2017 của Hội

đồng nhân dân tinh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, môi trường, giám định tư pháp.

- Hỗ trợ tháo gỡ, giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp thuận lợi trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, cơ chế, chính sách, nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm lợi ích hài hòa cho nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài.

- Từng bước chuyển vai trò của nhà nước từ tham gia đầu tư trực tiếp sang duy trì một môi trường đầu tư hấp dẫn, ổn định với hệ thống luật pháp đầy đủ điều chỉnh các quan hệ đầu tư để thu hút vốn. Nhà nước chỉ tập trung giải phóng mặt bằng và đầu tư vào các công trình khó huy động các nguồn lực xã hội.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đào tạo; kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đầu tư xây dựng các trường học tiêu chuẩn quốc tế.

4. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh: Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, phát triển các ngành, nghề ưu tiên, nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh.

5. Tăng cường cải cách hành chính

- Tăng cường thực hiện các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là nghiên cứu đề xuất tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công chức, thực hiện nghiêm quy định về quy tắc ứng xử trong cơ quan Nhà nước, nhằm tạo môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, rào cản về thủ tục hành chính, về đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, nhất là thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin đầu thầu.

6. Cơ chế chính sách huy động các nguồn lực nhằm đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới

- Rà soát lại cụm công nghiệp phù hợp, xây dựng cơ chế đầu tư cụm công nghiệp phân cấp mạnh về các huyện, thị xã, thành phố.

- Áp dụng rộng rãi đầu tư theo các hình thức ưu đãi đầu tư, đối tác công tư (PPP), xây dựng quy định về cơ chế phối hợp thực hiện dự án đầu tư theo hình thức ưu đãi đầu tư, đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Xây dựng Đề án phát hành và sử dụng vốn trái phiếu chính quyền địa phương, chính sách đầu tư về quỹ nhà công (01 nhà 02 tầng với diện tích 2.084,74m² - Trụ sở làm việc cũ của Ban Dân vận Tỉnh ủy), đất công (25 khu

đất với tổng diện tích 1.059.047,4m²: Thành phố Trà Vinh có 12 khu đất với diện tích 426.578,5m²; huyện Cầu Ngang có 02 khu đất với diện tích 598,5m²; huyện Tiểu Cần có 03 khu đất với diện tích 29.433,2m²; huyện Trà Cú có 01 khu đất với diện tích 332.565,7m²; huyện Châu Thành có 02 khu đất với diện tích 63.964,7m²; huyện Càng Long có 02 khu đất với diện tích 123.089m²; thị xã Duyên Hải có 03 khu đất với diện tích 82.817,8m²) để đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và phê duyệt Đề án huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích các địa phương tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương có đề xuất cơ chế đặc thù để khai thác nguồn vốn (chẳng hạn như khai thác nguồn tài nguyên đất, cát trong nạo vét hệ thống kênh mương,...).

7. Định hướng đầu tư

- Đầu tư hạ tầng giao thông bảo đảm kết nối các trung tâm kinh tế lớn với nhau và với các đầu mối giao thông cửa ngõ bằng hệ thống giao thông đồng bộ, năng lực vận tải được nâng cao, giao thông được thông suốt, an toàn; hạ tầng điện lưới đảm bảo vận hành tiết kiệm, hiệu quả, giảm tổn thất điện năng, cung cấp ổn định, tin cậy, phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; hạ tầng thủy lợi phải ứng phó với biến đổi khí hậu bảo đảm tưới tiêu chủ động diện tích lúa, hoa màu, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản tập trung, chủ động phòng, tránh bão, lũ, sạt lở, xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; hạ tầng đô thị từng bước phát triển đồng bộ và hiện đại, giải quyết cơ bản tình trạng ách tắc giao thông, úng ngập, cung cấp ổn định điện, nước và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, Khu kinh tế (Khu công nghiệp Cầu Quan, Khu công nghiệp Cổ Chiên, khu đô thị dịch vụ công nghiệp trong Khu kinh tế Định An) và 01 Cụm công nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi thu hút mạnh các nhà đầu tư.

- Định hướng lựa chọn được những dự án trọng điểm có sức lan tỏa cao, thu hút đầu tư. Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và các nguồn vốn khác, kêu gọi, khuyến khích đầu tư vào các dự án tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như: Khu đô thị, dịch vụ, công nghiệp (Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Cổ Chiên, Khu công nghiệp Cầu Quan và 01 Cụm công nghiệp).

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các dự án đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, các dự án kêu gọi đầu tư, các dự án đầu tư theo hình thức PPP, các dự án giao thông gắn với quy hoạch quỹ đất hai bên đường để tạo vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.

- Tiếp tục triển khai các công trình đang đầu tư dở dang, bổ sung danh mục và bố trí vốn đầu tư đối với công trình mới từ các chương trình, dự án của Chính phủ. Ưu tiên tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án, Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối theo dõi, 6 tháng, năm hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị được phân công nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức quán triệt, nâng cao trách nhiệm của từng cán bộ, công chức của đơn vị theo nhiệm vụ được phân công. Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút, khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, nhất là xây dựng nông thôn mới, các dự án tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

b) Căn cứ nhiệm vụ được phân công khẩn trương xây dựng Kế hoạch thực hiện. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*Đính kèm Phụ lục*).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch, các đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

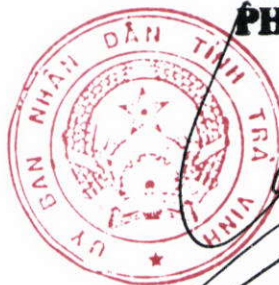
Nơi nhận:

- TT, TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN. 03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KHUYẾN KHÍCH CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ THAM GIA
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, NHẤT LÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI,
CÁC DỰ ÁN TÁC ĐỘNG LỚN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH
HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC NHẪM ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 22 /KH-UBND ngày 12 /3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện tốt Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 22/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
2	Thực hiện đồng bộ các giải pháp, cơ chế, chính sách, nhằm tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm lợi ích hài hòa cho nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các ngành, địa phương	Thường xuyên
3	Đầu tư hạ tầng giao thông bảo đảm kết nối các trung tâm kinh tế lớn với nhau và với các đầu mối giao thông cửa ngõ	Sở Giao thông vận tải	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4	Chỉ đạo các đơn vị hoạt động điện lực đầu tư, cải tạo, nâng cấp lưới điện đảm bảo cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt theo quy hoạch được duyệt	Sở Công Thương	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
5	Đầu tư hạ tầng thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các	Hàng năm



			huyện, thị xã, thành phố	
6	Đầu tư hạ tầng đô thị từng bước phát triển đồng bộ và hiện đại	Sở Xây dựng	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hằng năm
7	Đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, Khu kinh tế (Khu công nghiệp Cầu Quan, Khu công nghiệp Cổ Chiên, khu đô thị dịch vụ công nghiệp trong Khu kinh tế Định An) và 01 Cụm công nghiệp	Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hằng năm
8	Rà soát lại cụm công nghiệp phù hợp	Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
9	Xây dựng cơ chế đầu tư cụm công nghiệp phân cấp mạnh về các huyện, thị xã, thành phố	Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
10	Hỗ trợ tháo gỡ, giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp thuận lợi trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
11	Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
12	Xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
13	Tăng cường thực hiện các biện pháp cải cách thủ tục hành chính tại đơn vị, trọng tâm là nghiên cứu đề xuất tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên

14	Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, rào cản về thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, nhất là thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, đẩy mạnh minh bạch hóa thông tin đầu thầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
15	Xây dựng danh mục những dự án trọng điểm có sức lan tỏa cao, thu hút đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
16	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
17	Rà soát, công khai các quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị liên quan	Năm 2019
18	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hằng năm
19	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các dự án đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, các dự án kêu gọi đầu tư, các dự án đầu tư theo hình thức PPP, các dự án giao thông gắn với quy hoạch quỹ đất hai bên đường để tạo vốn vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
20	Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực giáo dục đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019
21	Bố trí vốn các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, các dự án trọng điểm, cần thiết, cấp bách	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hằng năm